

**ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM**

LÊ THỊ THANH TÂM

**BIỆN PHÁP QUẢN LÝ GIÁO DỤC HOÀ NHẬP
TRẺ KHUYẾT TẬT TẠI CÁC TRƯỜNG TIỂU HỌC
THỊ XÃ UÔNG BÍ, TỈNH QUẢNG NINH**

LUẬN VĂN THẠC SĨ KHOA HỌC GIÁO DỤC

Thái Nguyên, năm 2010

**ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM**

LÊ THỊ THANH TÂM

**BIỆN PHÁP QUẢN LÝ GIÁO DỤC HOÀ NHẬP
TRẺ KHUYẾT TẬT TẠI CÁC TRƯỜNG TIỂU HỌC
THỊ XÃ UÔNG BÍ, TỈNH QUẢNG NINH**

Chuyên ngành: **Quản lý giáo dục**
Mã số: **60.14.05**

LUẬN VĂN THẠC SĨ KHOA HỌC GIÁO DỤC

Người hướng dẫn khoa học: **TS. NGUYỄN THỊ TUYẾT MAI**

Thái Nguyên, năm 2010

LỜI CẢM ƠN

Với tình cảm chân thành, tác giả bày tỏ lòng biết ơn sâu sắc tới khoa Sau đại học, khoa Tâm lý - Giáo dục trường Đại học Sư phạm Thái Nguyên, các thầy giáo, cô giáo khoa Tâm lý - Giáo dục, trường Đại học Sư phạm Thái Nguyên đã tận tình giảng dạy, giúp đỡ tác giả trong quá trình học tập và nghiên cứu.

Tác giả xin chân thành cảm ơn Ban lãnh đạo Phòng Giáo dục và Đào tạo thị xã Uông Bí tỉnh Quảng Ninh, các đồng chí cán bộ quản lí, giáo viên các trường tiểu học thị xã Uông Bí, đã tận tình cung cấp thông tin, tham gia ý kiến giúp đỡ tác giả trong quá trình học tập, nghiên cứu.

Đặc biệt tác giả xin bày tỏ lòng biết ơn sâu sắc đến TS. Nguyễn Thị Tuyết Mai, người hướng dẫn khoa học đã tận tình giúp đỡ, động viên tác giả hoàn thành bản luận văn khoa học này.

Do điều kiện và thời gian có hạn, luận văn không tránh khỏi thiếu sót. Kính mong các thầy giáo, cô giáo và đồng nghiệp đưa ra những ý kiến để luận văn hoàn thiện hơn.

Thái Nguyên, tháng 5 năm 2010

Tác giả

Lê Thị Thanh Tâm

MỤC LỤC	Trang
KÝ HIỆU VIẾT TẮT TRONG LUẬN VĂN	4
DANH MỤC CÁC BẢNG, BIỂU ĐỒ, SƠ ĐỒ	5
MỞ ĐẦU	7
CHƯƠNG 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ QUẢN LÝ GDHN TRẺ KHUYẾT TẬT TRONG TRƯỜNG TIỂU HỌC	12
1.1. Lịch sử nghiên cứu vấn đề	12
1.2. Một số khái niệm	15
1.3. Quản lý GDHN trẻ KT trong trường tiểu học	27
1.4. Những yếu tố ảnh hưởng đến quản lý GDHN trẻ KT trong trường TH	36
CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG QUẢN LÝ GDHN TRẺ KT CỦA CÁC TRƯỜNG TIỂU HỌC THỊ XÃ UÔNG BÍ TỈNH QUẢNG NINH	46
2.1. Vài nét về tình hình giáo dục thị xã Uông Bí	46
2.2. Thực trạng việc thực hiện GDHN trẻ KT trong trường tiểu học	48
2.3. Thực trạng về quản lý GDHN trẻ KT tại các trường tiểu học thị xã Uông Bí	71
2.4. Nhận định, đánh giá chung về thực trạng	79
CHƯƠNG 3: ĐỀ XUẤT CÁC BIỆN PHÁP QUẢN LÝ GDHN TRẺ KT TẠI CÁC TRƯỜNG TIỂU HỌC THỊ XÃ UÔNG BÍ TỈNH QUẢNG NINH	83
3.1. Các nguyên tắc đề xuất biện pháp	83
3.2. Các biện pháp quản lý GDHN trẻ KT tại các trường tiểu học thị xã Uông Bí	87
3.3. Khảo sát ý kiến chuyên gia về tính cần thiết và tính khả thi của các biện pháp	106
KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ	109
1. Kết luận	109
2. Kiến nghị	111
TÀI LIỆU THAM KHẢO	114
PHỤ LỤC	117

KÝ HIỆU CÁC CHỮ VIẾT TẮT

CBQL	:	Cán bộ quản lý
GDHN	:	Giáo dục hoà nhập
HTCĐ	:	Hỗ trợ cộng đồng
KT	:	Khuyết tật
PHCN	:	Phục hồi chức năng
TBDH	:	Thiết bị dạy học
TH	:	Tiểu học
THCS	:	Trung học cơ sở
THPT	:	Trung học phổ thông
TKT	:	Trẻ khuyết tật

DANH MỤC CÁC BẢNG, BIỂU ĐỒ, SƠ ĐỒ

	<i>Trang</i>
Bảng 1: Nhu cầu của trẻ khuyết tật	39
Bảng 2: Những phương tiện hỗ trợ đặc thù cho từng dạng học sinh KT	44
Bảng 3: Chính quyền và cộng đồng nhận thức về trẻ KT và GDHN	50
Bảng 4: Đánh giá về thái độ, ý thức của CBQL và giáo viên về GDHN	51
Bảng 5: Nguyện vọng của phụ huynh và trẻ KT.	53
Bảng 6: Nhu cầu và thực tế tham gia hoạt động của học sinh KT	54
Bảng 7: Số lượng các nhu cầu và thực tế tham gia các hoạt động của học sinh KT	55
Bảng 8: Tỷ lệ môn học được học sinh chọn	56
Bảng 9: Thống kê số lượng CBQL và giáo viên đã được tập huấn về GDHN (tính đến tháng 3 - 2010)	58
Bảng 10: Đánh giá nhu cầu được tập huấn về GDHN của cán bộ quản lý và giáo viên	59
Bảng 11: Số lượng học sinh KT học hoà nhập. Năm học 2009 - 2010	61
Bảng 12: Số lượng học sinh KT học hoà nhập tính theo khối lớp	63
Bảng 13: Đánh giá của CBQL và giáo viên về chương trình, nội dung và phương pháp dạy hoà nhập	65
Bảng 14: Đánh giá của CBQL và giáo viên về cơ sở vật chất, thiết bị - đồ dùng dạy học hoà nhập	68
Bảng 15: Đánh giá về chính sách và huy động các nguồn lực của địa phương hỗ trợ cho GDHN	69
Bảng 16: Đánh giá, xếp loại học sinh KT học hoà nhập	70
Bảng 17: Tình hình học sinh KT sau khi học tiểu học trong 3 năm	71
Bảng 18: Tự đánh giá của hiệu trưởng về xây dựng kế hoạch toàn diện GDHN.	74
Bảng 19: Đánh giá của giáo viên về việc thực hiện kế hoạch giáo dục cá nhân cho học sinh KT	75
Bảng 20: Đánh giá của CBQL và giáo viên về tổ chức thực hiện GDHN.	76
Bảng 21: Đánh giá của lãnh đạo, chuyên viên Phòng giáo dục và giáo viên về công tác chỉ đạo thực hiện GDHN của hiệu trưởng.	78

Bảng 22: Tự đánh giá của hiệu trưởng, phó hiệu trưởng về công tác kiểm tra đánh giá GDHN.	79
Bảng 23: Kết quả khảo sát tính cần thiết và tính khả thi của biện pháp quản lý GDHN tại thị xã Uông Bí	108
Biểu đồ 1: Tỷ lệ học sinh KT học hoà nhập tiểu học	62
Biểu đồ 2: Số lượng học sinh học hoà nhập ở các khối lớp tiểu học	64
Biểu đồ 3: So sánh học sinh KT sau khi học tiểu học	72
Sơ đồ 1: Quy trình quản lý GDHN trẻ KT	27
Sơ đồ 2: Sơ đồ quản lý GDHN cấp thị xã	90
Sơ đồ 3: Quy trình hỗ trợ của nhóm HTCD cho trẻ KT	95

MỞ ĐẦU

I. LÝ DO CHỌN ĐỀ TÀI

Trong những năm gần đây cùng với sự phát triển khá nhanh, toàn diện của đất nước thì giáo dục cũng đã có những bước phát triển về chất lượng, quy mô, loại hình đào tạo... Giáo dục đã và đang thể hiện vai trò đào tạo nguồn nhân lực có chất lượng cao phục vụ công cuộc đổi mới của đất nước. Trong đó nổi lên một vấn đề đang được quan tâm và cũng là xu thế tất yếu cho sự phát triển hiện nay – đó là giáo dục cho mọi người.

Đối với giáo dục phổ thông, tinh thần trên được thể hiện ở việc tiến hành phổ cập giáo dục các cấp học (Tiểu học, THCS, THPT). Chúng ta đặt ra mục tiêu trọng tâm của ngành giáo dục nhằm: Đảm bảo cơ hội và quyền được hưởng giáo dục cho mọi trẻ em; nâng cao chất lượng giáo dục; phát triển môi trường giáo dục phù hợp nhất cho sự tham gia của trẻ. Trong đó đối tượng mà giáo dục phổ thông đang dành sự quan tâm đặc biệt đó là trẻ khuyết tật (chiếm khoảng 3,47% số trẻ trong độ tuổi). Đó cũng là việc thực hiện các nghị quyết, chủ trương đường lối của Đảng, chính sách của Nhà nước và ngành giáo dục. Hiến pháp nước CH XHCN Việt Nam năm 1992 (Điều 59) đã nêu: “Nhà nước và xã hội tạo điều kiện cho trẻ tàn tật được đi học văn hoá và học nghề phù hợp”; Luật Phổ cập giáo dục tiểu học 1991 (Điều 11): “Trẻ em là con liệt sỹ, thương binh nặng, trẻ em tàn tật, trẻ em mồ côi không nơi nương tựa, trẻ em khó khăn đặc biệt được Nhà nước và xã hội quan tâm giúp đỡ tạo điều kiện để đạt trình độ giáo dục tiểu học”; Pháp lệnh về người tàn tật năm 1998 (Điều 16 – chương 3) cũng khẳng định: “Việc học tập của trẻ em tàn tật được tổ chức, thực hiện bằng các hình thức học hoà nhập trong các trường phổ thông, trường chuyên biệt dành cho người tàn tật, cơ sở nuôi dưỡng cho người tàn tật tại gia đình...”; Luật giáo dục năm 2005 (Điều 10): “... Nhà nước ưu tiên tạo điều kiện cho con em các dân tộc thiểu số, con em gia đình ở vùng có điều kiện kinh tế – xã hội đặc biệt khó khăn, đối tượng được hưởng chính sách ưu đãi, người tàn tật, khuyết tật và đối tượng được hưởng chính sách xã hội khác được thực hiện quyền và nghĩa vụ học tập của mình”; Chiến lược Phát triển Giáo dục và Đào tạo Quốc gia

giai đoạn 2001 – 2010 đã đề ra các chỉ tiêu cụ thể: “Tạo cơ hội cho TKT được học tập ở một trong các loại hình lớp hoà nhập, bán hoà nhập hoặc chuyên biệt, đạt tỷ lệ 50% vào năm 2005 và 70% vào năm 2010”.

Đánh giá quá trình thực hiện các nghị quyết, chủ trương nêu trên, tại Hội nghị “Tổng kết mười năm thực hiện giáo dục hoà nhập TKT tại Việt Nam” do Bộ GD & ĐT tổ chức (ngày 17/5/2005 tại Hà Nội) nhận định: TKT ngày càng được quan tâm tạo điều kiện toàn diện, cụ thể hơn, đặc biệt là việc huy động và tham gia học tập trong các nhà trường. Năm học 2004 – 2005 cả nước đã huy động được khoảng 250.000 trẻ khuyết tật học các lớp, các trường hoà nhập và chuyên biệt. Tuy nhiên, trong công tác này cũng có những hạn chế yếu kém, bất cập cần khắc phục. Cấp tiểu học, cấp học được xem như có nhiều thuận lợi trong việc huy động TKT ra lớp và có khả năng giáo dục TKT đạt hiệu quả (cấp học đầu tiên của bậc học phổ thông, đã phổ cập xong trong toàn quốc, đã và đang tích cực phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi...), nhưng vẫn còn tồn tại những hạn chế như: Tỷ lệ TKT huy động ra lớp trong độ tuổi 6 – 14 còn hạn chế; cách thức quản lý và tổ chức còn lúng túng; đội ngũ giáo viên chưa đáp ứng được việc dạy trẻ khuyết tật; chất lượng giáo dục trẻ khuyết tật còn thấp...

Uông Bí là thị xã công nghiệp của tỉnh Quảng Ninh, trước năm 2002 cũng đã có khoảng 25% TKT học trong trường tiểu học và THCS song còn mang tính tự phát và chất lượng kém. Từ năm 2002 - 2004 Uông Bí được chọn là 1 trong 6 huyện, thị xã của 3 tỉnh thực hiện mô hình thí điểm giáo dục hoà nhập TKT. Trong những năm này với sự hỗ trợ chuyên môn của Trung tâm nghiên cứu và phát triển chương trình giáo dục chuyên biệt (Viện Chiến lược và Chương trình giáo dục), nay là Trung tâm nghiên cứu Giáo dục Đặc biệt – Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam. ngành giáo dục đã tập trung (chủ yếu vào cấp tiểu học) tổ chức triển khai nhiều hoạt động và thực sự đã đạt được một số hiệu quả trong công tác giáo dục hoà nhập TKT trong trường tiểu học. Tuy nhiên, giáo dục hoà nhập trẻ KT ở Uông Bí vẫn còn những hạn chế rất cơ bản như: công tác quản lý tiến hành còn lúng túng và hiệu quả chưa cao, chất lượng giáo dục hoà nhập còn thấp, thiếu bền vững.

Xuất phát từ lý do trên, kết hợp với kinh nghiệm thực tiễn công tác của bản thân tôi đã chọn đề tài nghiên cứu: **"Biện pháp quản lý giáo dục hoà nhập trẻ khuyết tật tại các trường tiểu học thị xã Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh"**.

II. MỤC ĐÍCH NGHIÊN CỨU

Trên cơ sở khảo sát thực trạng việc thực hiện giáo dục hòa nhập trẻ khuyết tật trong trường tiểu học tại thị xã Uông Bí, đề xuất một số biện pháp quản lý nhằm nâng cao chất lượng giáo dục hoà nhập trẻ khuyết tật trong trường tiểu học tại thị xã Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh.

III. ĐỐI TƯỢNG VÀ KHÁCH THỂ NGHIÊN CỨU

3.1. Khách thể nghiên cứu

Quản lý giáo dục trong trường tiểu học.

3.2. Đối tượng nghiên cứu

Biện pháp quản lý giáo dục hoà nhập trẻ khuyết tật trong trường tiểu học.

IV. GIỚI HẠN PHẠM VI NGHIÊN CỨU

Thực trạng công tác quản lý Giáo dục hoà nhập trẻ khuyết tật tại các trường tiểu học thị xã Uông Bí được khảo sát trong đề tài này từ năm 2002 trở lại đây.

V. NHIỆM VỤ NGHIÊN CỨU

5.1 - Hệ thống hóa một số vấn đề lý luận về quản lý giáo dục và quản lý giáo dục hoà nhập trẻ khuyết tật trong trường tiểu học.

5.2 - Đánh giá thực trạng quản lý giáo dục hoà nhập trẻ khuyết tật của các trường tiểu học thị xã Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh.

5.3 - Đề xuất một số biện pháp quản lý giáo dục hoà nhập trẻ khuyết tật tại các trường tiểu học thị xã Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh.

VI. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

6.1 Phương pháp nghiên cứu lý thuyết

Sử dụng phương pháp nghiên cứu lý thuyết để nghiên cứu một số vấn đề lý luận về quản lý giáo dục, quản lý giáo dục hoà nhập trẻ khuyết tật trong trường tiểu học thông qua các tài liệu trong nước và nước ngoài về giáo dục trẻ khuyết tật

6.2 Phương pháp nghiên cứu thực tiễn

6.2.1. Phương pháp quan sát